

DIỄN TRÌNH TÔN GIÁO QUA LỊCH SỬ NHÂN LOẠI

ĐẶNG NGHIÊM VẠN^(*)

Tôn giáo là một thực thể khách quan của xã hội loài người. Đối tượng của tôn giáo tựu trung có thể là thế giới của các lực lượng vô hình, mang tính thiêng liêng được chấp nhận một cách trực giác và tác động một cách siêu thực với con người nhằm giải lí những vấn đề trên trần thế, cũng như ở thế giới bên kia.

Tôn giáo được biểu hiện và thay đổi theo quá trình lịch sử xuyên thời gian và đa dạng tùy thuộc vào hoàn cảnh địa lí, văn hóa của từng cộng đồng xã hội hay tôn giáo khác nhau. Đó là bản chất của tôn giáo đã được những nguyên lí của C. Mác và Ph. Angghen khẳng định dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng và lịch sử. Diễn trình của tôn giáo qua lịch sử rất phức tạp, vừa có tính phản ánh, vừa có tính phản kháng xã hội đã sản sinh và cho tôn giáo tồn tại. C. Mác viết: "Nhà nước ấy, xã hội ấy sản sinh ra tôn giáo"⁽¹⁾. Vì thế qua thời gian và không gian tôn giáo không thể không thay đổi, mặc dầu bản chất cơ bản có thể vẫn giữ nguyên.

Nếu nhìn xuyên suốt lịch sử loài người, về phương diện vĩ mô, ta thấy có những thời kì mang tính chuyển tiếp lớn tác động đến sự thay đổi toàn diện bộ mặt xã hội, con người từ sản xuất, lao động, tổ chức xã hội, đến ý thức hệ, văn hóa, trong đó có tôn giáo.

Trong bài báo nhỏ này tác giả muốn khái quát những diễn trình tôn giáo qua lịch sử

nhân loại, nêu lên năm mốc lớn với những thay đổi lớn của bộ mặt tôn giáo:

1. Thời kì xã hội loài người xuất hiện.
2. Thời kì xã hội loài người bước vào ngưỡng cửa văn minh: Các quốc gia dân tộc hình thành.
3. Thời kì xuất hiện các đế chế xuyên quốc gia của từng khu vực.
4. Thời kì xã hội công nghiệp xuất hiện.
5. Thời kì hiện nay - thế giới đương bắt đầu tiến triển theo xu thế toàn cầu hóa.

Nhân loại tiến hóa, nhưng không đồng đều ở các khu vực khác nhau, ngày càng phát triển với nhịp độ càng gia tăng. Do vậy, những thời kì nêu trên, có tính chuyển tiếp từ giai đoạn lịch sử này sang giai đoạn lịch sử khác và diễn ra ở những thời điểm khác nhau, tính giao lưu giữa các khu vực lúc đầu trong một phạm vi hẹp, càng về sau càng mở rộng, nên có những khác biệt. Tuy nhiên ta cần nhận thấy một điều là tâm thức tôn giáo con người luôn biến đổi, bởi vậy những hình thức tôn giáo cũng luôn chuyển động để thích nghi, nhất là ở những dạng biểu hiện. Từ khi tôn giáo trở thành đối tượng của khoa học, vấn đề này càng bộc lộ rõ rệt hơn, nhất

*. Giáo sư, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. C. Mác. *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel. Lời nói đầu*. Trong: *Tuyển tập Mác-Angghen*. Tập I. Nxb Sự thật. Hà Nội, 1980, tr. 13.

là trong những thập niên gần đây, khi diễn biến tôn giáo về nội dung và về biểu hiện khác hẳn với các thời kì lịch sử trước đây.

Nhờ những thành tựu to lớn của ngành khảo cổ học, thời gian con người thoát khỏi các sinh vật, tức là khi xuất hiện con người khéo léo (*Homo habilis*), được xác định đến hai triệu rưỡi năm, với sự phát hiện mở đầu của L. S. B. Leakey, con người *Zinjanthropus* ở vùng Nam Phi, miền Onduvai ở Tanzania⁽²⁾. Tiếp theo, một nhóm bác học phát hiện ra con vượn cái *Australopithecus afarensis*, bà thủy tổ Lucy của loài người ở Ethiopie thuộc vùng Đông Phi, qua phân tích cơ chế di truyền nhờ các phân tử AND cho thấy đã sống cách ta bốn triệu năm⁽³⁾.

Các hiện vật thu thập được cho thấy, có đến hàng triệu năm con người chưa biết đến tôn giáo. Sự sợ hãi theo bản năng trước những hiện tượng tự nhiên chỉ là những phản ứng vô thức. Hiện tượng đó không hẳn đã mất đi mà còn tồn tại ở những cư dân, vì một lẽ nào đó còn ở trạng thái nguyên sơ (bị đẩy vào miền hẻo lánh khép kín, khó có khả năng phát triển về kinh tế xã hội, bị suy thoái, thậm chí ở ngưỡng cửa của sự diệt vong), được các nhà dân tộc học miêu thuật và đa số khẳng định trong những phản ứng bản năng đó chưa thấy dấu vết tôn giáo. Ta có thể thấy hiện tượng đó ngay cả ở những con người văn minh trước những tai nạn khó lường đang ngày càng gia tăng trong thế giới công nghiệp hiện đại.

Ý kiến đó dường như được các học giả toàn thế giới đồng tình, bởi chung những yếu tố hay những hiện tượng tôn giáo mà con người nhận thức được, hệ thống lại được, đòi hỏi một trình độ nhận thức cao, con đẻ của tư

duy trừu tượng; đồng thời tương ứng với một xã hội loài người tương đối ổn định. Và lại có xã hội, mới có văn hóa; có văn hóa mới có tôn giáo. Tôn giáo mang tính cộng đồng, tính xã hội. Đó là điều mà tất cả các học giả kinh điển đồng, tày đều chấp nhận.

Tôn giáo xuất hiện từ bao giờ. Điều đó chỉ có thể biết được nhờ những chứng cứ của khảo cổ học, một tư liệu có tính lịch đại và những chứng cứ khoa học hay fônklo học, một tư liệu có tính đồng đại, mang tính bổ sung và minh chứng.

1. Thời kì tôn giáo xuất hiện⁽⁴⁾. Trừ một số học giả bảo thủ, hầu hết giới khoa học đều thống nhất chỉ khi hình thành con người hiện đại (*Homo sapiens*), chỉ khi con người đã bắt đầu tổ chức thành xã hội, *tôn giáo mới xuất hiện*. Thời kì đó cách đây khoảng 95000 - 35000 năm Tr. CN. Gọi là con người hiện đại vì về phương diện sinh học cấu trúc của nó đã gần gũi với con người hiện nay.

Vào trung kì đồ đá cũ, thời kì *Moustier*, với người *Néanderthal*, đã bắt đầu giai đoạn hình thành người *Homo sapiens Néanderthalis*. Con người ở thời kì đó chủ yếu vẫn sống bằng hái lượm, săn bắt, manh nha biết thuần dưỡng các động vật. Đã xuất hiện nhiều mộ táng, có hố huyết, thi hài được

2. L. S. B. Leakey. *Adam's ancestors - The evolution of Man and his Culture*. Harper and Row - New York and Evanston, 1960.

3. G. Petter - B. Senut. *Lucy retrouvée*. Flammarion, 1994.

4. Xem: A. Leroi Gourhan. *Les religions de la préhistoire*. Paris. 1964; I. Zulkovets V. F. *Thời kì tôn giáo tiền sử*. Matxcova 1959 (bản Nga Văn); E. Evans Pritchard. *Theorie of primitive religion*. London 1965; J. Delumeau. *Des religions et des hommes*. Desclée de Brouwer. Paris, 1997; Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Diệp Đình Hoa. *Cơ sở khảo cổ học*. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1975.

đặt theo ý muốn của con người, với đồ cúng mang tính tượng trưng. Có mộ còn lát đá, kèm theo đồ tùy táng bằng đá. Nhờ phân tích phấn hoa còn thấy có trái hoa như chín xác chôn ở Shanidar thuộc Irắc, trên độ cao 745m so với mực nước biển (khoảng 50.000-60.000 năm). Mộ táng sớm nhất được khai quật vào năm 1969 ở một hang gần Nazareth là hài cốt một thiếu niên khoảng 14 tuổi.

Ý kiến tranh cãi ở đây là: số đông tác giả coi đó mới chỉ là những tín hiệu của tôn giáo, còn số ít tác giả khác lại cho đó là đã có tôn giáo. Điều quan trọng nhất, cho dù chỉ mới là biểu lộ tình thương, cho dù chỉ mới là sự săn sóc đương nhiên đối với người thân đã khuất; hoặc có ý sợ hãi, xa lánh vì thân xác mục rữa của người chết, hoặc cho rằng con người đã có ý thức về thế giới bên kia; thì rõ ràng ở đây đã thấy sự khác biệt giữa con người với các loài sinh vật ở chỗ "con người đã biết chôn đồng loại". Mối quan hệ đồng loại ở đây là những người cùng chung một huyết thống, điều được những tư liệu dân tộc học bổ sung, chứng tỏ sự mạnh mẽ của một tổ chức xã hội khi con người *Homo Sapiens* định hình.

Sang đến hậu kỳ đồ đá cũ, với con người *Cromagnon* hay con người *Homo sapiens sapiens*, cách đây khoảng 45.000 - 10.000 năm, với những công cụ chuyên hóa, con người đã tổ chức thành những thị tộc, tuy còn cư trú ở hang động, nhưng bắt đầu ra ở những lều, những nhà dài có mái che cách xa những núi đá. Họ tràn sang Châu Úc, Châu Mỹ, chinh phục các miền đông giá rét. Mộ táng tìm được khắp nơi từ Châu Âu sang miền Viễn Đông. Vết tích mộ táng ở giai đoạn này được tìm thấy đầu tiên ở Eysies thuộc Dordogne năm 1868 nhưng con người *Homo sapiens sapiens* cổ nhất lại thấy ở di chỉ Qufzeh và Skuhl ở Israel. Ở nước ta, người ta tìm thấy mộ chôn hàng chục người

ở làng Gạo (thuộc nền văn hóa Hòa Bình). Trong các mộ táng đã tìm thấy các vật dụng cá nhân, các công cụ săn bắt, các đồ trang sức... Ngoài những mộ táng, con người *Cromagnon* còn biết trang trí những hang động như ở Altamira thuộc Tây Ban Nha, ở Lascaux và Pont d'Arc thuộc Ardèche của nước Pháp mới được phát hiện gần đây. Ở đây những bức tranh tường với các vách động trang trí cho ta liên tưởng đến một ngôi đền cách đây 30.000 năm, trong đó có những vật dâng lễ sử dụng cho thế giới bên kia. Những bích họa cho ta đoán định một loại ma thuật săn bắt, đó là những hình tượng quái dị nửa người nửa thú. Hình "thày cúng" trong hang Trois Frères ở Pháp là một người đàn ông có sừng hươu trên đầu, cầm dài, đuôi dài, có khoác da lông trên vai. Lại có thêm hình khắc ba người nhảy, chân người, đầu hình nai... Tất cả những điều trên dẫn các nhà khảo cổ học và tôn giáo học đến chỗ khẳng định một cách chắc chắn sự ra đời của tôn giáo vào thời kì cách đây khoảng 45.000 năm với ba hình thức tôn giáo rõ rệt như X. A. Tocarev đã phỏng đoán: đạo Vật tổ (tôtem), ma thuật và tang lễ⁽⁵⁾.

Do vậy ta có thể đồng tình với nhận xét của Ph. Angghen: "Tôn giáo sinh ra từ thời đại hết sức nguyên thủy... Do đó, những khái niệm tôn giáo ban đầu ấy thường là chung cho một tập đoàn cư dân, một dòng máu, sau lại phân chia ra, phát triển lên một cách riêng biệt ở mỗi dân tộc"⁽⁶⁾. Tôn giáo ra đời cùng với tổ chức xã hội loài người.

2. Sự ra đời các tôn giáo dân tộc. Sang đến thời đại đồ đá giữa, con người chuyển dần sang trồng trọt và chăn nuôi. Nhưng

5. X. A. Tocarev. *Những hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.

6. C. Mác, Ph. Angghen. *Toàn tập*. Tập XVI. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 1995, tr. 443.

phải đợi đến cuối thời đại đồ đá mới và kim khí xuất hiện, con người mới lấy nền kinh tế sản xuất làm nền tảng và đẩy nền kinh tế chiếm đoạt xuống hàng thứ yếu, tuy còn rất đáng kể. Các hình thức tôn giáo cũ vẫn tiếp nối, có thay đổi nội dung để thích nghi. Sự linh thiêng hóa các nguồn lợi trồng trọt và chăn nuôi do chính con người sáng tạo ra, lại được gán cho các lực lượng siêu nhiên: thần lúa, thần ngô, thần mì hay những tinh linh các loài vật. Cuối cùng sang đến thời kì văn minh, con người tạo ra các thần văn hóa với nhiều loại điện thần. Nghề nông, nghề thủ công và thương nghiệp đã phát triển. Ở thời đại đồ đá giữa hay đồ đá mới, trong các di chỉ khảo cổ từ Châu Âu cho đến Sibêri (lạ nhất chưa thấy ở Việt Nam) nổi lên hình tượng người phụ nữ với đặc điểm nữ tính nổi bật (vú to, mông lớn, bụng như có mang), những hình vẽ hay tranh khắc, thậm chí những vật thiêng biểu hiện quan hệ âm dương (nam, nữ). Xét dưới góc độ tôn giáo, điều đó tượng trưng tâm quan trọng của sự sinh sôi nảy nở giống nòi và sự phong đăng liên quan đến mùa màng. Đó có thể coi là thần thị tộc mẫu hệ (mẹ của giống người) và mẹ của sự phì nhiêu của đất. Mộ táng phát hiện được nhiều hơn, mang tính tôn giáo rõ rệt liên quan đến quan hệ người sống với người chết và với thế giới bên kia. Ở từng khu vực, có những hình thức mộ táng khác nhau, có những *dolmen*, *menhir*, *chum*... Ở nước ta, thời văn hóa Bắc Sơn, Quỳnh Văn tìm thấy nhiều đồ trang sức, công cụ lao động trong các mộ. Người Quỳnh Văn chôn người chết dưới lớp vỏ điệp theo tư thế ngồi xổm, đầu tựa vào huyệt.

Mối quan hệ trong xã hội phức tạp được phản ánh vào tôn giáo. Điểm mấu chốt có

tính chuyển tiếp cơ bản xảy ra trong nhân loại là thời kì xuất hiện kim khí với sự ra đời các dân tộc, các nhà nước, các giai cấp hay tầng lớp phân biệt rành rọt trong xã hội. Đây là *con đau để lớn thứ hai của cơ thể xã hội loài người sau thời kì xuất hiện con người Homo sapiens*. Con người đã bước vào tổ chức thành xã hội, tập hợp thành những cộng đồng, những tập thể tương đối ổn định. Sự phát hiện ra kim khí với đồ đồng và đồ sắt cách đây khoảng 9.000 - 4.000 năm không những tạo nên những bước chuyển biến lớn trong nông nghiệp với các hệ thống thủy lợi khác nhau, mà còn tạo nên các ngành nghề thủ công và sự trao đổi hàng hóa. Con người bước vào xã hội văn minh với chữ viết, với các thành trì, đô thị, các dân tộc, các quốc gia.

Nếu ta chấp nhận quy luật của Van Gennep về sự chuyển tiếp lớn đối với người cụ thể⁽⁷⁾, lấy đó soi vào xã hội loài người, thời ta phải nói thời kì này, tổ chức xã hội nhân loại bị đảo lộn với sự ra đời của một xã hội có giai cấp, chấm dứt một cách không thương tiếc cái thời kì mà M. Sahlins gọi là *thời đại đồ đá, thời đại sung túc*⁽⁸⁾ hay như nhiều nhà dân tộc học than thở: thời đại đạo đức nhất của nhân loại đã chấm dứt. L. Mumford có nhận xét: "Trong sự thay đổi từ nền kinh tế chủ yếu là săn bắn sang nền kinh tế nông nghiệp, người ta được nhiều, nhưng cũng mất đi một vài cái"⁽⁹⁾. Trong một vài cái đó có đạo đức. Cái được thật lớn. Vào cuối

7. Van Gennep. *Les rites de passage*. Picard. Paris, 1981.

8. M. Sahlins. *Age de pierre, âge d'abondance*. Gallimard, Paris, 1981.

9. L. Mumford. *Le Mythe de la machine*. Fayard. Paris, 1973.

thời đồ đá cũ, dân số toàn cầu là vài triệu người, đến thiên kỉ IV Tr. CN, dân số là 150 triệu, đến đầu CN - 300 triệu, một dân số đông gấp hàng trăm lần, được nuôi nấng tử tế hơn⁽¹⁰⁾.

Quốc gia dân tộc ra đời, sáp nhập, xé nhỏ, làm phân tán hay hủy diệt không thương tiếc những bộ lạc hay liên minh bộ lạc. Nhà nước xuất hiện kéo theo sự thay đổi trong đời sống tôn giáo cộng đồng. Lễ thức nông nghiệp ra đời quyện chặt với các lễ thức chủ yếu của cộng đồng từ cấp nhà nước xuống cơ sở. *Một tôn giáo dân tộc ra đời với những điện thần, những nghi thức khác nhau nhằm một mục đích chung phục vụ cho sự củng cố và phát triển cộng đồng dân tộc.* Ph. Angghen phát biểu: "Những vị thần dân tộc được tạo ra... ở mỗi dân tộc là những vị thần dân tộc: lĩnh vực chi phối của các vị thần đó không vượt quá biên giới của lãnh thổ dân tộc mà các vị thần ấy phải bảo vệ và ngoài biên giới đó (ĐNV lưu ý), thì do các vị thần khác tiến hành một sự thống trị không ai tranh giành được. Tất cả các vị thần ấy chỉ có thể tiếp tục tồn tại trong trí tưởng tượng chừng nào dân tộc tạo ra các vị thần ấy còn tồn tại. Khi dân tộc đó bị tiêu vong thì các vị thần đó cũng bị tiêu vong theo"⁽¹¹⁾. Đạo thờ cúng Tổ tiên theo huyết thống xa xưa bắt nguồn từ Tôtem giáo, gần hơn là ý niệm về Hồn Linh giáo (trước đây hay dùng là Vật Linh giáo hay Vạn vật hữu linh) và đạo thờ Thần thị tộc phụ hệ (tất nhiên có ngoại lệ) được định hình nhằm thích nghi với tình hình xã hội mới và bị tôn giáo dân tộc chi phối hay hòa quyện; bởi lẽ lúc đó *mỗi cá nhân trong cộng đồng lãnh thổ đã bị chi phối bởi một hệ thống hành chính mang tính chính trị xã hội và một hệ thống*

huyết tộc⁽¹²⁾. Những lễ thức nông nghiệp cùng với lòng mong muốn cộng đồng sinh sôi đông đúc xuất hiện với một chuỗi hội làng của cư dân nông nghiệp.

Có thể coi thời kì sau khi loài người biến thành con người hiện đại với sự ra đời một tổ chức xã hội ổn định là *cuộc cách mạng lần thứ hai trong lịch sử loài người. Đó là thời kì hình thành các quốc gia dân tộc.* Những biểu tượng tôn giáo thời kì đó không chỉ thấy ở các di chỉ khảo cổ, trong đời sống tôn giáo các cư dân được coi là chậm phát triển, trong các truyện kể, mà còn có thể thấy trong các văn bản cổ của những cư dân sớm có văn tự.

3. Sự ra đời các tôn giáo khu vực. Trong thời kì nông nghiệp, cần chú ý một giai đoạn xảy ra ở khá nhiều vùng trên thế giới, đó là *sự xuất hiện những đế chế* thâm tóm trong mình nhiều quốc gia. Sự bành trướng của các đế chế nảy sinh từ tình trạng các quốc gia dân tộc mạnh yếu khác nhau, do nhu cầu từ phát triển sản xuất tới phát triển thương nghiệp, do ý thức về quyền lực ích kỉ của con người, của cộng đồng, với tư tưởng cá lớn nuốt cá bé đã phát sinh ra những tôn giáo khu vực.

Những diễn biến kể trên diễn ra ở những thời điểm lịch sử khác nhau ở từng khu vực, do sự phát triển không đồng đều của lịch sử, mà tính quyết định là hoàn cảnh địa lí lịch sử của các miền khác nhau. Nhất định không

10. J. Ruffié. *De la biologie à la culture*. Flammarion. Paris, 1977, tr. 549. Xem thêm ý kiến trên ở cuốn sách của L. Puiseux. *Le babel nucléaire*. Galilé, 1981. Có những số liệu khác nhau, tuy nhiên về cơ bản có thể chấp nhận sự tăng trưởng theo tốc độ như trên là hợp lí.

11. C. Mác, Ph. Angghen. *Toàn tập*. Tập XXI. Sdd, tr. 445.

12. Đặng Nghiêm Vạn. *Bàn về tôn giáo*. Trong: *Những vấn đề lí luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb KHXH, 1998, tr. 9 - 63.

phải do sự hơn kém của các chủng tộc, càng không phải vì sự ưu ái của Chúa hay Thánh với một dân tộc a, b, c... nào đó. Nên ta thấy cách đây khoảng 2500 năm đã xuất hiện ở Ấn Độ và Trung Hoa những người sáng lập đạo Phật, đạo Nho, Đạo giáo; tới đầu CN ở miền Trung Cận Đông, kế thừa những tư tưởng của đạo Do Thái⁽¹³⁾, kế thừa những tư tưởng của Hy Lạp, Ai Cập cổ đại, đã xuất hiện Đức J. Christ; rồi đến thế kỉ VII sau CN, Thánh Mohamed. Thế nhưng, phải chi có nhu cầu một tôn giáo của một đế chế, ta mới thấy những tôn giáo: Phật, Nho, Đạo, Kitô, Hồi (Islam) trở thành tôn giáo của đế chế và được đế chế đó chấp nhận như một tôn giáo chính thống.

Theo thời gian, do nội dung của các tôn giáo tạm gọi là siêu quốc gia, không gắn chặt với một quốc gia cụ thể, với các vị thần cụ thể, các nghi thức cụ thể của một cộng đồng tộc người, dân tộc hay địa phương nhất định, nên sự bành trướng của nó diễn ra thuận lợi, tính thích nghi với các dân tộc khác cũng dễ dàng. Do vậy, dù được phổ biến bằng con đường chiến tranh hay hòa bình, các tôn giáo đó đã được các quốc gia bị lệ thuộc trực tiếp hay gián tiếp, tiếp nhận tự giác hay không tự giác, rồi trên nền tảng tôn giáo truyền thống biến đổi thành tôn giáo của bản thân. Sự bành trướng đó còn được tiếp tục dưới thời kì công nghiệp và còn thấy cho đến ngày nay. Nên ta thấy có những tôn giáo khu vực, những tôn giáo mang tính toàn cầu, vừa chung sống cạnh nhau, vừa tranh chấp, xung đột nhau; trong không ít trường hợp dẫn đến sự thảm sát đẫm máu; sự diệt chủng vì chiến

tranh tôn giáo được sự ủng hộ của các thế lực chính trị.

Đạo Kitô tỏa rộng từ các nước thuộc Đế chế La Mã ra toàn Châu Âu, trở lại Trung Cận Đông nơi phát sinh ra nó, rồi qua một số nước Á, Úc, Phi, Mỹ Latinh. Đạo Hồi từ trung tâm vùng Trung Cận Đông tràn sang phía tây, qua miền Bắc Phi, thâm nhập vào một số cư dân vùng Ban Căng, lan rộng qua khu vực Trung, Nam Á, một phần Đông Á, và Đông Nam Á. Một nhận xét đáng lưu ý là những tôn giáo như đạo Kitô, đạo Hồi ban đầu đi đến đâu cũng khó chung sống được với các đạo đã có ở đấy từ trước, vì tính cực đoan, chỉ cho bản thân tôn giáo của mình mới là tôn giáo, coi Chúa hay Thánh của mình tôn thờ là duy nhất, là mạnh hơn hết. Tình hình hiện nay đã được hiểu khác. Đạo Phật mất chỗ đứng ở nơi phát sinh, tuy có thời cường thịnh, trụ lại ở Sri Lanca, lại được truyền lan hòa bình sang Đông Á và Đông Nam Á, hiện nay bắt đầu sang Châu Âu và Châu Mỹ. Đạo Nho, Đạo giáo lan tỏa ảnh hưởng ra các nước xung quanh như Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc, Việt Nam và các cộng đồng người thuộc ảnh hưởng văn minh Trung Hoa ở hải ngoại.

Những tôn giáo "phương Đông", có người sáng lập thực sự hay được tôn phong (như trường hợp Lão Tử), lại chấp nhận cùng chung sống theo xu thế hòa nhi bất đồng, đạo hướng về trần tục hơn là về thế giới bên kia; khác với các tôn giáo "phương Tây" chấp nhận một Đấng Sáng thế toàn năng duy nhất. Từ đó nảy sinh hai khuynh hướng trội: Tôn giáo mang tính Siêu việt (*transcendente*)

13. Phải kể thêm đạo Do Thái. Đạo ít mở rộng vì nội dung gắn chặt với dân tộc Do Thái, tuy nội dung và kể cả lễ thức được đạo Kitô và kể cả đạo Hồi tiếp biến.

và tôn giáo mang tính nội thể (*immanente*). A. G. Haudricourt⁽¹⁴⁾ muốn giải thích sự khác biệt này bắt nguồn từ sự khác biệt của hai cung cách sản xuất khác nhau. Những cư dân sáng tạo ra tôn giáo *độc thân* đã tự mình *trực tiếp* tác động lên đối tượng chăn nuôi và coi đối tượng đó là do công sức của bản thân được tiếp sức do tự mình tiếp cận trực tiếp được với Đấng đã sáng tạo ra chính mình hay tự cho mình là một phần của Đấng tối cao. Mục đích siêu việt ở đây là muốn được "sống" ở một thế giới kiếp sau, khác hẳn thế giới hiện nay. Còn ở những cư dân sáng tạo ra các tôn giáo ở đây vắng bóng Đấng Sáng thế, lại mang tính *đa thân* hay *phiếm thân*, bởi lẽ qua việc trồng trọt các loại cây củ (igname), khoai sọ (taro) hay lúa nước, con người phải phụ thuộc vào nhiều khâu *gián tiếp* (ghép mầm, gieo mạ) hay không phải tự mình chi phối (chăn nuôi thả rông hay nửa thả rông: lợn, gia cầm, trâu bò...), không chỉ tự bản thân, mà cần nhờ cậy phần quyết định đến cộng đồng (thủy lợi, thả rông theo đàn v.v...). Đối tượng thờ cúng ở đây không khác gì khách thể: các vật thể tự nhiên, các sinh vật, con người, rất ít hoặc vắng bóng những vị thiên thần "siêu việt". Đối tượng đó lại tự "nội tâm" người thờ cúng, do bức bách của cuộc sống trần tục hoặc do thỏa mãn muốn kéo dài cuộc sống bản thân, sau khi đã khuất muốn hóa thân trở lại trần gian. Mục đích thờ cúng nhằm giải quyết những vấn đề thế tục là chủ yếu. Thế giới bên kia chỉ là bản sao của thế giới trần tục, có điều được huyền thoại hóa để phản ánh một nguyện ước tối đa, tuyệt đối khó đạt được ở dưới trần thế

đầy khổ đau, bất trắc. Điều đó thể hiện rõ rệt ở các tôn giáo miền Viễn Đông vùng gió mùa nhiệt đới ẩm, nơi vắng bóng nghề chăn nuôi theo đàn.

4. Sự xuất hiện tự do tôn giáo. Công nghiệp ra đời. Bắt đầu một *cuộc cách mạng thứ ba* trong lịch sử nhân loại. Xã hội công nghiệp đòi hỏi một tôn giáo năng động hơn, tự do hơn; khó chấp nhận một tổ chức, một giáo lí với những nghi thức cứng nhắc và phức tạp. *Chấm dứt tính độc tôn của một tôn giáo trong một quốc gia, chấp nhận sự đa dạng trong đời sống tôn giáo. Chính sách tự do tôn giáo ra đời và phát triển.* Xu thế thế tục hóa dần thắng thế, thể hiện nhanh chậm, với những biểu hiện khác nhau ở từng quốc gia. Bộ mặt tôn giáo từng cộng đồng xã hội thay đổi. Những yếu tố lỗi thời được hủy bỏ, thay thế nhằm thích nghi.

Do tính toàn cầu hóa ngày càng gia tăng đã làm nảy sinh trong ý thức con người những thay đổi ý kiến đối với tôn giáo. Tình trạng "ếch ngồi đáy giếng"- mỗi cá nhân chỉ biết tôn giáo của mình đã chấm dứt. Con người giác ngộ được rằng trên thế gian này có nhiều thần, thánh, có nhiều tôn giáo khác nhau. Họ hoài nghi và lựa chọn. Thần thánh được mang ra bàn tán, tranh luận. Một thực tế, cùng với sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân, những tôn giáo của các dân tộc đi chinh phục được cấy lên nhân dân các dân tộc thuộc địa hay lệ thuộc. Đạo Công giáo, đạo Tin Lành phát triển mạnh ở các đế quốc, số lượng tín đồ hiện chiếm gần một tỉ rưỡi

14. A. G. Haudricourt. *Domestication des animaux, culture des plantes et traitement d'autrui.* (1962) Trong: *La technologie, science humaine.* Ed. de la Maison des Sciences de l'Homme. Paris, 1987. Ý kiến này được diễn tả từ năm 1948 trong cuốn Hồi ký:

Pieds sur terre của A. G Haudricourt và P. Dibie. A. Métallié, Paris, 1987.

người. Đạo Hồi trước đó bành trướng trở thành một đạo lớn thứ hai, nay chiếm gần một tỉ dân. Ở các nước hầu như có mặt nhiều tôn giáo. Ở nhiều nơi, sự xung đột giữa các tôn giáo đã xảy ra trong nội bộ một quốc gia, hay là nguyên cơ gây nên xung đột giữa các quốc gia. Từ đây, các tôn giáo có những thay đổi để thích nghi.

5. Thời kì bắt đầu xuất hiện những dạng tôn giáo thích nghi với xu thế toàn cầu hóa, tương ứng với thời kì hậu công nghiệp. Tình hình trên chuyển biến nhanh trong thời kì chúng ta đang sống vì tính toàn cầu hóa tăng lên với một vận tốc rất nhanh, nhanh đến chóng mặt. *Sự giác ngộ về vai trò cá nhân, về thắng lợi của dân chủ, tự do và chủ nghĩa xã hội, trình độ học vấn và hiểu biết của quần chúng nhân dân được nâng cao và đặc biệt là những thành tựu của khoa học công nghệ* đã quyết định thái độ đối với vai trò tôn giáo trong đời sống. Con người thế tục hóa tôn giáo, kéo theo tính đa dạng trong đời sống tôn giáo. Từ đây xuất hiện ý kiến khác nhau trong một tôn giáo, dẫn đến sự phân rã các tôn giáo có tổ chức, bùng nổ các giáo phái, các hiện tượng "tôn giáo bùng bênh", kéo theo sự ra đời các tôn giáo mới. A. Malraux có một nhận xét cần suy nghĩ: "Vấn đề then chốt của cuối thế kỉ này sẽ là vấn đề tôn giáo được *diễn ra dưới một dạng khác với sự hiểu biết của chúng ta*, cũng như đạo Kitô đã làm với những tôn giáo cổ đại (ở Châu Âu - ĐNV). Nhưng nó sẽ không còn là vấn đề Đáng Tối Cao"⁽¹⁵⁾. Hay có thể nói đó là thời đại con người ra khỏi những tôn giáo để trở lại "cái tôn giáo" (*le religieux*) như đầu đề một cuốn sách⁽¹⁶⁾.

Châu Âu chứng kiến hiện tượng thế tục hóa của đạo Công giáo. Số người Công giáo không tăng. Số người theo đạo nhưng không hành đạo ngày càng đông. Số người chạy đi tìm niềm tin ở các đạo khác, nhất là các đạo từ phương Đông, ngày một nhiều. Trong khi đó, những năm gần đây ở Liên bang Nga, Bêlarút và Ucoraina, đạo Chính Thống đã trở lại trong đời sống bình thường và trên trường chính trị. Đạo Tinh Lành ở Mỹ phân rã thành nhiều giáo phái, lắm khi xa rời giáo lí đi đến chỗ cực đoan. Đạo Hồi đang có hiện tượng xung đột trong nội bộ và với các đạo khác, phân rã thành những bộ phận cấp tiến, ôn hòa và cực đoan. Tại các nước đang phát triển ở Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ Latinh đang diễn ra sự trở lại của đạo dân tộc cùng với sự truyền bá của các đạo ngoại sinh, sự xâm nhập của các "hiện tượng tôn giáo mới" xa lạ từ phương Tây với nhiều dụng ý phi tôn giáo.

Thật vậy, từ cuối Đại chiến thế giới II, rộ lên vào thập kỉ 70, bắt đầu từ các nước công nghiệp, lan dần sang các nước đang phát triển hàng vạn các "giáo phái", các "phong trào tôn giáo mới", số lượng lên đến khoảng 10.000, ở Mỹ 2.500, Đức 500, Nhật hàng ngàn, Pháp 300, Hàn Quốc, Đài Loan, Brasil, cũng đang bị uy hiếp. Những loại "tôn giáo" này biểu hiện rất khác nhau, hoặc phân rã từ một tôn giáo chủ lưu, hoặc lắp ghép, hoặc nửa huyền hoặc, nửa khoa học, hướng về thế tục, số đông tín đồ là cuồng tín, khép kín, số lượng ít thì ngàn người, đông lên đến hàng

15. A. Malraux trong cuốn: *Sortie des religions, retour du religieux*. Paris, 1993, tr. 15.

16. Là đầu đề cuốn sách ở chú dẫn 15.

chục triệu; phát triển ở một quốc gia hay lan ra một khu vực, tỏa ra toàn cầu. Phần đông những "hiện tượng tôn giáo" này mang tính cực đoan, phản văn hóa, số ít muốn tìm lại cái đạo làm người một cách hoang tưởng, cũng có một số lành, nếu xét theo tiêu chí chính trị-xã hội của họ. Các thế lực tôn giáo chính thống lo ngại vì nội dung giáo lí bị bẻ queo, tín đồ bị đánh cắp. Các thế lực chính trị, một mặt đã gắng lợi dụng tình hình này, nhất là các giáo phái cực đoan phản văn hóa, vào mục đích phi tôn giáo, mặt khác lại lo ngại chúng làm mất ổn định xã hội ngay chính trên đất nước mình.

Hiện tượng trên còn mới mẻ, đương là một vấn đề cần làm sáng tỏ, thu hút sự lưu tâm của giới khoa học, nhất là ngành nghiên cứu tôn giáo. Nhiều sách, báo, tạp chí đã đề cập đến. Tuy nhiên, ý kiến trong giới khoa học còn phân tán.

Diễn trình tôn giáo trong lịch sử nước ta có khác do tính đặc thù, nhưng cũng không thoát khỏi quy luật chung. Quá trình hình

thành một đạo dân tộc diễn ra chậm hơn, manh nha từ thời lập nước, bị đứt đoạn, phải đến thời Độc lập Tự chủ mới được khẳng định, vẫn tồn tại đến ngày nay, là chỗ tựa cho các tôn giáo khu vực, các tôn giáo thế giới hay các tôn giáo nội sinh tồn tại. Vấn đề này chúng tôi đã đề cập ở một bài khác⁽¹⁷⁾.

Hiện nay, ngoài các tôn giáo đã được xác định trong lịch sử, hiện tượng các giáo phái, các tôn giáo "mới" cũng đã và đang nảy sinh ở nước ta trong giai đoạn đất nước mới bắt đầu hội nhập theo xu thế toàn cầu hóa; dữ nhiều, lành ít. Hiện tượng trên đã ở tình trạng phức tạp, nhưng chưa được nghiên cứu có hệ thống. Một số các thế lực chính trị/tôn giáo thiếu thiện chí đã và đang lợi dụng hiện tượng này, cần thận trọng và cảnh giác.

17. *Réflexions sur quelques traits caractéristiques des religions au VietNam*. Báo cáo ở Hội nghị trao đổi về khoa học tôn giáo song phương Việt - Pháp tại Paris, tháng 7-1999. Sẽ xuất bản.